

**KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC**

(Kỳ thi tháng 12 năm 2021)

| STT | Họ và Tên         |       | Năm sinh   | Lớp                | Điểm    |         | Ghi chú   |
|-----|-------------------|-------|------------|--------------------|---------|---------|-----------|
|     |                   |       |            |                    | Điểm LT | Điểm TH |           |
| 1   | Phạm Thị          | An    | 23/06/1990 | K65B1 LT KT BH CQ  | 8,7     | 5,0     | Đạt       |
| 2   | Cổ Văn            | An    | 02/01/1991 | K64B3 LT QLDD CQ   | 8,0     | 7,5     | Đạt       |
| 3   | Nguyễn Danh       | An    | 09/06/2000 | K63 CBLS           | 8,3     | 7,5     | Đạt       |
| 4   | Đàm Thế           | Anh   | 29/04/2000 | K63 BVTV           | 6,3     | 5,0     | Đạt       |
| 5   | Trương Đức        | Bách  | 14/04/1986 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,3     | 2,5     | Không đạt |
| 6   | Võ Thành          | Bạn   | 21/02/2000 | K63 QLNR           | 7,0     | 6,8     | Đạt       |
| 7   | Trần Thị          | Bình  | 01/10/1987 | K65B2 LT THUY CQ   | 0,0     | 0,0     | Không đạt |
| 8   | H'                | Brách | 03/09/2000 | K63 QLNR           | 7,0     | 5,3     | Đạt       |
| 9   | Bùi Văn           | Chiến | 12/11/1979 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 6,7     | 6,3     | Đạt       |
| 10  | Nguyễn Thành      | Cương | 08/02/1986 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 7,7     | 9,0     | Đạt       |
| 11  | Võ Thành          | Đan   | 24/02/1999 | K63 KHCT           | 8,0     | 5,0     | Đạt       |
| 12  | Nhâm Hải          | Đặng  | 10/01/2000 | K63 QLNR           | 7,7     | 5,0     | Đạt       |
| 13  | Nguyễn Ánh        | Đặng  | 25/11/1997 | K9B LT TY CQ       | 7,0     | 6,0     | Đạt       |
| 14  | Nguyễn Xuân       | Danh  | 26/11/1997 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 6,3     | 5,5     | Đạt       |
| 15  | Hồ Quân           | Đạt   | 27/01/1998 | K65B2 LT THUY CQ   | 8,3     | 8,8     | Đạt       |
| 16  | Nguyễn Ngọc       | Diệp  | 04/01/1983 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,7     | 6,0     | Đạt       |
| 17  | Nguyễn Thành      | Đông  | 14/12/1996 | K9B LT TY CQ       | 8,3     | 7,5     | Đạt       |
| 18  | Nguyễn Thị Thùy   | Dư    | 11/02/2000 | K63 BVTV           | 8,3     | 6,5     | Đạt       |
| 19  | Trần Minh         | Đức   | 24/03/1998 | K9B LT TY CQ       | 4,3     | 1,5     | Không đạt |
| 20  | Nguyễn Quang      | Dũng  | 12/06/1991 | K64B3 LT QLDD CQ   | 7,7     | 5,8     | Đạt       |
| 21  | Ngô Bá Bình       | Dương | 28/04/2000 | K63 TKNT           | 7,7     | 5,3     | Đạt       |
| 22  | Trần Quốc         | Duy   | 19/09/1994 | K63 QLNR           | 8,7     | 7,3     | Đạt       |
| 23  | Trương Ngọc Thiện | Duyên | 26/01/1999 | K62B THUY          | 6,0     | 7,3     | Đạt       |
| 24  | Nguyễn Ngọc       | Hà    | 27/09/1988 | K65B2 LT THUY CQ   | 4,3     | 2,5     | Không đạt |
| 25  | Trịnh Thị         | Hà    | 24/12/1988 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 7,0     | 5,0     | Đạt       |
| 26  | Bùi Quốc          | Hải   | 28/05/1999 | K62B THUY          | 0,0     | 0,0     | Không đạt |
| 27  | Ma                | Hàng  | 15/04/2000 | K63 KHCT           | 7,3     | 5,0     | Đạt       |
| 28  | Võ Phúc           | Hậu   | 31/01/2000 | K63 BVTV           | 8,3     | 6,5     | Đạt       |
| 29  | Phạm Thanh        | Hiền  | 30/06/1994 | K9B LT TY CQ       | 8,0     | 6,0     | Đạt       |
| 30  | Trần Văn          | Hiệp  | 19/10/2000 | K63 QLNR           | 6,7     | 6,0     | Đạt       |
| 31  | Võ Minh           | Hiếu  | 11/07/2000 | K63 QLNR           | 3,7     | 0,0     | Không đạt |
| 32  | Trần Văn          | Hiếu  | 02/05/1998 | K9B LT TY CQ       | 6,0     | 5,0     | Đạt       |
| 33  | Ngô Vũ Thành      | Hiếu  | 03/07/1999 | K63 CBLS           | 7,7     | 8,0     | Đạt       |
| 34  | Nguyễn Thị        | Hoa   | 30/08/1982 | K65B3 LT QLDD CQ   | 8,0     | 3,3     | Không đạt |
| 35  | Phan Thị Thu      | Hoài  | 04/12/2000 | K63 KT             | 6,3     | 6,8     | Đạt       |
| 36  | Phạm Văn          | Hoàng | 15/03/1998 | K9B LT TY CQ       | 8,0     | 6,0     | Đạt       |
| 37  | Đỗ Thị Xuân       | Hồng  | 27/03/1998 | K63 KHCT           | 6,7     | 8,0     | Đạt       |
| 38  | Chương Thế        | Hùng  | 07/07/1998 | K9B LT TY CQ       | 6,3     | 3,8     | Không đạt |
| 39  | Võ Bá Mạnh        | Hùng  | 21/10/1991 | K9B LT TY CQ       | 8,7     | 5,3     | Đạt       |
| 40  | Nguyễn Hữu        | Hùng  | 24/06/1999 | K63 QLNR           | 6,0     | 5,5     | Đạt       |

|    |                   |       |            |                    |     |     |           |
|----|-------------------|-------|------------|--------------------|-----|-----|-----------|
| 41 | Hà Quang          | Hưng  | 26/08/2000 | K63 BVTV           | 6,3 | 3,0 | Không đạt |
| 42 | Nguyễn Văn        | Hưng  | 06/11/1985 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,0 | 5,8 | Đạt       |
| 43 | Lê Quang          | Kha   | 16/10/2001 | K64 CBLS           | 5,3 | 6,0 | Đạt       |
| 44 | Nguyễn Minh       | Khải  | 30/08/1998 | K9B LT TY CQ       | 7,3 | 6,8 | Đạt       |
| 45 | Lê Minh           | Khiêm | 20/06/2000 | K63 CBLS           | 6,3 | 7,5 | Đạt       |
| 46 | Hoàng Lê Đăng     | Khoa  | 24/06/1997 | K62A THUY          | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 47 | Lê Đăng           | Khoa  | 29/10/2000 | K63 TKNT           | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 48 | Chau              | Khone | 22/12/2000 | K63 QLTNR          | 6,0 | 7,0 | Đạt       |
| 49 | Nguyễn Quốc       | Kiệt  | 05/02/1999 | K62A THUY          | 7,3 | 3,3 | Không đạt |
| 50 | Trần Anh          | Kiệt  | 06/11/2000 | K63 QLTNR          | 5,3 | 5,0 | Đạt       |
| 51 | Nguyễn Ngọc       | Lâm   | 04/12/2000 | K63 KHCT           | 6,7 | 7,0 | Đạt       |
| 52 | Hồ Thị            | Lê    | 20/12/1977 | K66A4 LT KT BH CQ  | 7,0 | 6,8 | Đạt       |
| 53 | Trịnh Thị         | Liên  | 12/04/1997 | K9B LT TY CQ       | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 54 | Nguyễn Thị Mỹ     | Linh  | 08/03/1991 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,3 | 6,8 | Đạt       |
| 55 | Hồ Tú             | Linh  | 31/10/2000 | K63 CBLS           | 8,3 | 7,3 | Đạt       |
| 56 | Mai Trần Thị Kiều | Linh  | 01/09/1989 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,3 | 8,8 | Đạt       |
| 57 | Huỳnh Quốc        | Linh  | 02/01/1997 | K63 TKNT           | 7,0 | 4,3 | Không đạt |
| 58 | Huỳnh Văn         | Lộc   | 24/09/2000 | K63 KHCT           | 6,3 | 6,5 | Đạt       |
| 59 | Trần Nam          | Lợi   | 20/08/2000 | K63 KHCT           | 6,3 | 4,3 | Không đạt |
| 60 | Phạm Hoàng        | Long  | 03/05/2000 | K63 QLTNR          | 6,7 | 5,3 | Đạt       |
| 61 | Trần Nguyễn Duy   | Long  | 02/01/1996 | K9B LT TY CQ       | 6,7 | 8,8 | Đạt       |
| 62 | Liêng Hót Ha      | Lý    | 25/04/1998 | K63 QLTNR          | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 63 | Nguyễn Đình       | Mão   | 18/03/1999 | K9B LT TY CQ       | 6,0 | 4,3 | Không đạt |
| 64 | Phạm Văn          | Minh  | 16/01/2000 | K63 BVTV           | 9,0 | 8,0 | Đạt       |
| 65 | Trần Hoàng Hòa    | My    | 01/07/1992 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 9,3 | 7,3 | Đạt       |
| 66 | Nguyễn Thị Thúy   | Nga   | 17/03/2000 | K63 KHCT           | 6,3 | 7,5 | Đạt       |
| 67 | Trần Thị Kim      | Ngân  | 27/03/1998 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,0 | 5,0 | Đạt       |
| 68 | Lý Tuấn           | Nghĩa | 17/09/2000 | K63 KHCT           | 8,0 | 5,0 | Đạt       |
| 69 | Châu Minh         | Ngọc  | 01/04/2000 | K63 KHCT           | 4,7 | 7,3 | Không đạt |
| 70 | Phạm Thị          | Nhân  | 02/09/1988 | K65B2 LT THUY CQ   | 7,7 | 5,0 | Đạt       |
| 71 | Phan Trọng        | Nhân  | 20/06/1994 | K65B2 LT THUY CQ   | 8,0 | 8,5 | Đạt       |
| 72 | Vũ Duy            | Nhất  | 27/10/1999 | K63 CBLS           | 8,0 | 7,3 | Đạt       |
| 73 | Nguyễn Minh       | Nhật  | 21/09/1999 | K63 KHCT           | 6,7 | 6,8 | Đạt       |
| 74 | Nguyễn Tuệ        | Nhi   | 04/08/2000 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,7 | 7,5 | Đạt       |
| 75 | Bo Bo Thị Quỳnh   | Như   | 07/06/2000 | K63 KHCT           | 4,0 | 4,0 | Không đạt |
| 76 | Lê Quỳnh          | Như   | 24/01/2000 | K63 QTKD           | 5,7 | 2,3 | Không đạt |
| 77 | Nguyễn Huỳnh      | Như   | 09/09/2000 | K63 QTDVLLH        | 6,3 | 4,0 | Không đạt |
| 78 | Dương Gur Ma      | Nít   | 20/06/2000 | K63 QLTNR          | 5,7 | 4,3 | Không đạt |
| 79 | Đình Ngọc         | Phong | 26/07/2001 | K64 CBLS           | 7,0 | 5,0 | Đạt       |
| 80 | Nguyễn Hồng       | Phong | 01/07/1995 | K9B LT TY CQ       | 6,7 | 5,3 | Đạt       |
| 81 | Trần Thiên        | Phú   | 23/11/1997 | K65B1 LT KT BH CQ  | 7,0 | 6,3 | Đạt       |
| 82 | Triệu Quý         | Phúc  | 28/01/1995 | K9B LT TY CQ       | 7,0 | 5,0 | Đạt       |
| 83 | Lưu Đức           | Phúc  | 16/05/1990 | K65B3 LT QLDD CQ   | 7,3 | 5,0 | Đạt       |
| 84 | Nguyễn Thị Kim    | Phụng | 10/06/1999 | K63 BVTV           | 7,7 | 4,3 | Không đạt |
| 85 | Ma Khánh          | Phước | 17/12/2000 | K63 QLTNR          | 6,0 | 5,0 | Đạt       |
| 86 | Nguyễn Văn        | g     | 22/08/2000 | K63 QLTNR          | 6,7 | 0,0 | Không đạt |
| 87 | Phạm Văn          | g     | 01/12/2000 | K63 BVTV           | 7,7 | 6,0 | Đạt       |

|     |                    |        |            |                    |     |     |           |
|-----|--------------------|--------|------------|--------------------|-----|-----|-----------|
| 88  | Lê Xuân            | Quân   | 25/07/1998 | K9B LT TY CQ       | 8,7 | 5,3 | Đạt       |
| 89  | Đặng Minh          | Quân   | 25/04/1985 | K9B LT TY CQ       | 8,7 | 8,3 | Đạt       |
| 90  | Trang Nguyệt       | Quế    | 01/02/2000 | K63 BVTV           | 6,7 | 5,0 | Đạt       |
| 91  | Nguyễn Hữu         | Quý    | 25/08/2000 | K63 QLTNR          | 6,3 | 5,0 | Đạt       |
| 92  | Tăng Năm           | Sáng   | 09/09/1996 | K9B LT TY CQ       | 8,3 | 7,3 | Đạt       |
| 93  | Đặng Thị Hồng      | Sen    | 05/08/2000 | K63 BVTV           | 7,3 | 7,0 | Đạt       |
| 94  | Nguyễn Minh        | Sơn    | 25/02/1998 | K9B LT TY CQ       | 6,7 | 5,5 | Đạt       |
| 95  | Đoàn Trường        | Sơn    | 20/01/1999 | K63 KHCT           | 6,3 | 7,0 | Đạt       |
| 96  | Trà Thị Ngọc       | Sương  | 10/06/2000 | K63B THUY)         | 7,3 | 6,0 | Đạt       |
| 97  | Đỗ Tấn             | Tài    | 07/06/1998 | K9B LT TY CQ       | 5,3 | 4,3 | Không đạt |
| 98  | Lê Thị Thủy        | Tâm    | 20/07/1999 | K63 QTKD           | 7,0 | 5,0 | Đạt       |
| 99  | Đỗ Thị Minh        | Tâm    | 18/10/1991 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 9,7 | 7,0 | Đạt       |
| 100 | Nguyễn Thị         | Thanh  | 12/08/1978 | K65BI LT KT BH CQ  | 6,0 | 9,3 | Đạt       |
| 101 | Lương Thị Thu      | Thảo   | 06/12/2000 | K63 QLTNR          | 7,7 | 7,3 | Đạt       |
| 102 | Bồ Bo Thị          | Thế    | 20/06/2000 | K63 KHCT           | 4,3 | 4,0 | Không đạt |
| 103 | Phí Ngọc           | Thị    | 15/12/2000 | K63 QLTNR          | 5,7 | 5,5 | Đạt       |
| 104 | Vũ Xuân            | Thiện  | 31/10/1998 | K9B LT TY CQ       | 8,7 | 6,5 | Đạt       |
| 105 | Nguyễn Quang       | Thịnh  | 22/10/1997 | K9B LT TY CQ       | 8,0 | 0,0 | Không đạt |
| 106 | Nguyễn Thị Anh     | Thư    | 24/08/2001 | K64 KETOAN         | 9,0 | 5,3 | Đạt       |
| 107 | Trần Nguyễn Trí    | Thức   | 26/07/2000 | K63 QLTNR          | 7,3 | 5,5 | Đạt       |
| 108 | Lê Thị             | Thủy   | 19/07/1986 | K65BI LT KT BH CQ  | 5,7 | 6,3 | Đạt       |
| 109 | Nguyễn Thị Minh    | Thủy   | 17/07/1990 | K65B3 LT QLDD CQ   | 7,3 | 8,3 | Đạt       |
| 110 | Lơ Mu Ha           | Tinh   | 10/08/2000 | K63 BVTV           | 6,7 | 5,0 | Đạt       |
| 111 | Cao Văn            | Tinh   | 25/12/1982 | K9B LT TY CQ       | 7,0 | 7,8 | Đạt       |
| 112 | Hồ Chu             | Toàn   | 03/07/1998 | K9B LT TY CQ       | 6,7 | 5,0 | Đạt       |
| 113 | K                  | Tông   | 27/09/2000 | K63 QLTNR          | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 114 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trâm   | 11/12/2000 | K63 QLTNR          | 7,3 | 3,8 | Không đạt |
| 115 | Trần Thị Bích      | Trâm   | 24/09/1998 | K9B LT TY CQ       | 8,0 | 5,3 | Đạt       |
| 116 | Nguyễn Thị Thủy    | Trang  | 26/03/1999 | K65BI LT KT BH CQ  | 6,3 | 6,0 | Đạt       |
| 117 | Mâu Thị            | Trang  | 06/10/2000 | K63 BVTV           | 6,7 | 6,0 | Đạt       |
| 118 | Nguyễn Thị Đoàn    | Trang  | 21/07/2000 | K63 KT             | 5,7 | 6,3 | Đạt       |
| 119 | Nguyễn Thị         | Trang  | 24/01/2000 | K63 KHCT           | 7,0 | 7,8 | Đạt       |
| 120 | Huỳnh Thị Kim      | Trọng  | 29/08/1995 | K9B LT TY CQ       | 9,0 | 7,8 | Đạt       |
| 121 | Nguyễn Nhật        | Trung  | 07/01/2000 | K63 QLTNR          | 0,0 | 0,0 | Không đạt |
| 122 | Lưu Chí            | Trưởng | 21/11/2000 | K63 QLTNR          | 6,0 | 4,0 | Không đạt |
| 123 | Nguyễn Hữu         | Tú     | 28/09/1999 | K63 QLTNR          | 7,0 | 5,3 | Đạt       |
| 124 | Đỗ Danh            | Tú     | 16/04/1998 | K63 QLTNR          | 7,3 | 5,5 | Đạt       |
| 125 | Đông Thanh         | Tú     | 03/08/1986 | K9B LT TY CQ       | 9,0 | 8,3 | Đạt       |
| 126 | Ksor A             | Tuấn   | 04/04/2000 | K63 QLTNR          | 5,3 | 5,0 | Đạt       |
| 127 | Đỗ Thanh           | Tuấn   | 02/06/2000 | K63 QLTNR          | 6,0 | 5,0 | Đạt       |
| 128 | Nguyễn Thanh       | Tuấn   | 17/11/1985 | K65B2 LT THUY CQ   | 8,0 | 6,3 | Đạt       |
| 129 | Nguyễn Thành Anh   | Tuấn   | 19/09/1996 | K63 TKNT           | 9,0 | 7,8 | Đạt       |
| 130 | Trương Nguyễn Minh | Tuệ    | 16/06/1996 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 6,3 | 8,5 | Đạt       |
| 131 | Lư Thị Bích        | Tuyên  | 21/01/1995 | K62 QTKD)          | 6,0 | 2,0 | Không đạt |
| 132 | Mai Thị Kim        | Tuyên  | 11/02/1999 | K65BI LT KT BH CQ  | 8,0 | 7,0 | Đạt       |
| 133 | Nguyễn Hương       | Uyên   | 18/11/1999 | K63 BVTV           | 9,0 | 6,3 | Đạt       |
| 134 | Trần Thị Kim       | Vân    | 11/03/1997 | K9B LT VB2 QLDD CQ | 7,3 | 5,8 | Đạt       |

|     |                 |      |            |                  |     |     |     |
|-----|-----------------|------|------------|------------------|-----|-----|-----|
| 135 | Phún Chí        | Viên | 05/07/1991 | K9B LT TY CQ     | 7,7 | 7,0 | Đạt |
| 136 | Nguyễn Văn      | Việt | 12/11/1993 | K65B3 LT QLDD CQ | 9,0 | 8,8 | Đạt |
| 137 | Huỳnh Hữu       | Vinh | 21/08/2000 | K63 QLNR         | 6,3 | 5,0 | Đạt |
| 138 | Trần Tuấn       | Vũ   | 01/07/1998 | K9B LT TY CQ     | 6,3 | 6,8 | Đạt |
| 139 | Nguyễn Hùng     | Vỹ   | 08/06/1998 | K9B LT TY CQ     | 8,0 | 5,0 | Đạt |
| 140 | Nguyễn Thị Ngọc | Yến  | 03/08/1997 | K9B LT TY CQ     | 6,7 | 5,0 | Đạt |

Danh sách gồm có 140 sinh viên./.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Mai Hải Châu**

**THƯ KÝ HĐ**

**Nguyễn Văn Phú**